

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là CCHC) giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Quảng Trị xây dựng Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị năm 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 11/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Kế hoạch số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm tiếp tục xây dựng nền hành chính tỉnh Quảng Trị ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động thông suốt, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị địa phương; phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC cấp tỉnh (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xác định: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, trong đó cải cách TTHC, cải thiện mức độ hài lòng của người dân, tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để tổ chức, triển khai thực hiện và gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Đổi mới tư duy, đổi mới lề lối làm việc, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ CCHC năm 2025; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Bố trí đủ nguồn lực và có giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính khả thi của Kế hoạch này.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Chỉ đạo, điều hành tiếp tục triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã ban hành kế hoạch CCHC năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương làm căn cứ tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các cuộc thi tìm hiểu về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, các văn bản Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ban chỉ đạo CCHC Trung ương, của các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về công tác giai đoạn 2021-2025 và năm 2025.

- Duy trì chế độ họp Ban chỉ đạo CCHC mỗi năm 02 lần để triển khai, thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo kế hoạch.

- Rà soát Bộ chỉ số đánh giá CCHC, hoàn thành nhiệm vụ để bổ sung, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kịp thời, phù hợp để cải thiện và nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS của tỉnh; thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Gắn kết quả CCHC với công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện các nhiệm vụ về CCHC.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao và chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính.

- Tiếp tục thực hiện ký cam kết giữa các thành viên BCĐ CCHC tỉnh với Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tăng cường trách nhiệm của các thành viên BCĐ CCHC tỉnh, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp.

- Tổ chức đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với người dân, Doanh nghiệp nhằm giải quyết những vướng mắc khó khăn về TTHC, khiếu nại, tố cáo...; khảo sát đo lường mức hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính.

2. Cải cách thể chế

- Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật; thực hiện chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/ 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020

sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản có liên quan.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi, minh bạch, ổn định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động của chính sách trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật.

- Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, trọng tâm là các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

- Công khai, minh bạch văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách của ngành và địa phương tạo động lực cho phát triển.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi bổ sung); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; niêm yết công khai đầy đủ danh mục, nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã và trên các phương tiện thông tin điện tử.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương, trọng tâm là các lĩnh vực: Kinh doanh, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, tư pháp; thực hiện đơn giản TTHC nội bộ trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ số để cải tiến quy trình, thủ tục của các cơ quan hành chính; tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC nhằm nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo 100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình và một phần. Trong số đó, ít nhất 80% DVCTT của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình và một phần trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 45% trở lên; 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Khắc phục tình trạng trả kết quả hồ sơ TTHC trễ hạn, nhất là hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai, lĩnh vực thuế; lấy ý kiến đánh giá của tổ chức, cá nhân để có giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân và chất lượng phục vụ trong giải quyết TTHC; nghiêm túc tổ chức thực hiện việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi hồ sơ TTHC trễ hạn.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, yêu cầu thêm thủ tục, giấy tờ, điều kiện không đúng quy định hoặc nhiều lần xảy ra sự chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 về tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc giám sát thực hiện TTHC.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh tương tự như tổ chức của các bộ, ngành Trung ương; Sắp xếp, kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giải thể các Ban Chỉ đạo, Hội đồng không hoạt động; Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm cả tổ chức bộ máy bên trong) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục điều chỉnh vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế trong giai đoạn 2022-2026 theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương mới ban hành để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức chặt chẽ, khoa học, đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp quản lý; triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; các nhiệm vụ quy định phân cấp theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh đã thực hiện phân cấp cho các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế đối với các trường hợp dôi dư do rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự; dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính, do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm hoặc trường hợp chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện đúng quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh, vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp và ứng xử cho đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công vụ, đạo đức công vụ, tác phong lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc giao, sử dụng, quản lý biên chế phải đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục thực hiện quản lý biên chế và tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, mục tiêu trong giai đoạn từ năm 2022-2026 giảm 88 chỉ tiêu biên chế công chức, tương ứng với 05% số giao năm 2021

và 1.607 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước, tương ứng 10% với số giao năm 2021. Triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026, trong đó giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 5% biên chế hành chính.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ chính sách cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021.

- Triển khai hiệu quả việc áp dụng chế độ chính sách tiền lương; tập trung đẩy mạnh công tác hướng dẫn; tổ chức thi, xét nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo đúng quy định.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan kiểm toán nhà nước, thanh tra.

- Thực hiện nghiêm chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ.

- Quản lý hiệu quả tài sản công; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đặc biệt đối với lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

- Thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Duy trì, vận hành và triển khai đồng bộ các hệ thống, phần mềm được giao theo dõi, quản trị như: Hệ thống thư điện tử tỉnh; Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Hệ thống thông tin công chức, viên chức tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia, cổng thanh toán quốc gia, cơ sở dữ liệu dân cư và các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan ... hoạt động thông suốt và hiệu quả.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mới và nâng cấp các ứng dụng, phần mềm nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo các cấp cũng như trong việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh giao.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ được giao và giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện hoàn thành đúng và trước hạn các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh giao thông qua Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ và của UBND tỉnh.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2025; Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng thông tin cung cấp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này).

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC do các cơ quan, đơn vị cân đối trong các nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có). Trường hợp vượt quá khả năng, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, quyết định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn

- Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này và căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2025 của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

- Phổ biến, tuyên truyền Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Kế hoạch này; kết quả xếp hạng các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PCI, PAPI, ICT.... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC; đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về công tác CCHC qua Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục thực hiện các nội dung còn lại tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy; các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương tham mưu thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy; lĩnh vực nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định chỉ số CCHC năm 2024 của tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định. Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi bộ Chỉ số CCHC, mức độ hoàn thành nhiệm vụ phù hợp. Thực hiện đánh giá, xếp loại Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện, cấp xã và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC và thực thi nhiệm vụ, công vụ của tỉnh năm 2025; đảm bảo kiểm tra ít nhất 30% số cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác CCHC năm 2025; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan có liên quan tuyên truyền đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này; kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện tốt lĩnh vực cải cách TTHC, kiểm soát và đơn giản hóa TTHC; công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh; tích hợp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

- Quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu và triển khai hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh; theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức, vận hành có hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Nội vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả, kịp thời đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tăng cường thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền về công tác CCHC bằng các hình thức phù hợp nhằm góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

6. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND, Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập, sử dụng dự toán và thanh, quyết toán kinh phí phục vụ công tác CCHC năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu chỉ đạo thực hiện lĩnh vực cải cách tài chính công.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh; giải ngân vốn đầu tư công; đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

8. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.

- Triển khai các giải pháp giảm thời gian chờ đợi khám chữa bệnh cho bệnh nhân ngoại trú tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Xây dựng

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển tỉnh Quảng Trị đến năm 2045, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện đối với các huyện còn lại; triển khai xây dựng các Đề án, Chương trình nhà ở xã hội theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và tập trung giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hài lòng của người dân và tổ chức khi tiến hành các TTHC về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị, Cổng thông tin điện tử tỉnh

- Tiếp tục xây dựng, duy trì chuyên mục, chuyên trang về CCHC, tiếp nhận ý kiến của người dân, doanh nghiệp liên quan đến CCHC chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Quảng Trị;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NC_Y.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Tiến

Phụ lục
CHI TIẾT CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH							
1	Xây dựng Kế hoạch CCHC, các nhiệm vụ trọng tâm về CCHC trong năm	Xác định nhiệm vụ cụ thể; Tổ chức triển khai kịp thời các nhiệm vụ CCHC	Xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh	Kế hoạch UBND tỉnh; Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị	Sở Nội vụ; các cơ quan tham mưu CCHC	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	- UBND tỉnh: trước ngày 25/12/2024 - Sở, huyện: trước ngày 31/01/2025 - Cấp xã: trước ngày 28/02/2025	Thường xuyên
2	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về CCHC và tổ chức thực hiện	Xác định nhiệm vụ cụ thể; giao nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị trong tuyên truyền CCHC	Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Quý I/2025	Thường xuyên
		Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CB, CCVC, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Tuyên truyền công tác CCHC đến CB, CCVC và người dân	Bài viết, phóng sự, cuộc thi; Báo cáo kết quả tuyên truyền	Sở TTTT; UBND cấp huyện và cấp xã	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Cả năm 2025	Theo dự toán hàng năm
3	Triển khai Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 11/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh	Xác định trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể	Xây dựng Kế hoạch thực hiện. Tổ chức kiểm tra	Kế hoạch, công văn, Hội nghị quán triệt	Các sở ban ngành	Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và	Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	Ủy; các Nghị quyết 01, 02, 03 của BCS đảng UBND tỉnh về công tác CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh					Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh		
4	Nâng cao Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI.....	Cải thiện và nâng cao các Chỉ số	Báo cáo Tự đánh giá, chấm điểm; Kế hoạch; Công văn đôn đốc	Kế hoạch, Hội nghị	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã	Cả năm 2025	
5	Tổ chức kiểm tra công tác CCHC, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác chỉ đạo điều hành	Thực hiện kiểm tra công tác CCHC 30% các sở, UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra công tác CCHC 30% UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn cấp huyện	Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTTC và tổ chức kiểm tra	Kế hoạch, Kết luận của đoàn kiểm tra, Các văn bản khắc phục của đơn vị được kiểm tra	Sở Nội vụ; UBND cấp huyện; Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã	Quý III, Quý IV và hoàn thành trước ngày 31/12 hàng năm	
6	Đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan hành chính và Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Triển khai việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã	Tổ chức thẩm định, công bố kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã; Công bố xếp loại mức độ HTNV	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Tư pháp, Tài chính, Sở TTTT, Sở KHĐT; UBND cấp huyện	Năm 2025	Theo dự toán

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
7	Tăng cường trách nhiệm của các thành viên BCD CCHC tỉnh, xử lý kịp thời các tình huống trong cải cách hành chính	Cam kết các nội dung nhằm hoàn thành các nhiệm vụ giữa thành viên BCD với Chủ tịch UBND tỉnh	Báo cáo kết quả cam kết	Bản cam kết, Báo cáo; Văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cả năm 2025	
8	Tổ chức đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với Doanh nghiệp; khảo sát mức hài lòng của người dân doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính.	Đo lường sự hài lòng của	Hội nghị, Điều tra	Hội nghị, báo cáo, thông báo	Sở Nội vụ, Sở KHĐT	Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cả năm 2025	Theo dự toán
9	Tổng kết Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.	- Đánh giá kết quả đạt được sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời nêu ra đã được những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện. - Đánh giá được tính phù hợp với thực tiễn của Nghị quyết và tác động của Nghị quyết đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.	Xây dựng báo cáo Đánh giá Tổng kết	- Báo cáo đánh giá của cấp cơ sở; - Báo cáo đánh giá tổng thể	- Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các cấp	Quý IV	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
10	Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/BCSD ngày 27/06/2023 của BCSD UBND tỉnh về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ PAR INDEX, Chỉ số SIPAS và Chỉ số (PAPI) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025	Đánh giá kết quả đạt được sau 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời nêu ra đã được những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện.	Xây dựng báo cáo Đánh giá sơ kết	- Báo cáo đánh giá của cấp cơ sở; - Báo cáo đánh giá tổng thể	- Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các cấp	Quý IV năm 2025	
11	Tổng kết Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh	Đánh giá kết quả đạt được sau 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch; đồng thời nêu ra đã được những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện.	Xây dựng báo cáo Đánh giá Tổng kết	- Báo cáo đánh giá của cấp cơ sở; - Báo cáo đánh giá tổng thể	- Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các cấp	Quý IV năm 2025	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND và UBND	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND và UBND	Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Quyết định	Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Cả năm 2025	Thường xuyên
			Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết, Quyết định	Công văn	Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	Thường xuyên
			Thẩm định dự thảo văn bản	Báo cáo thẩm định văn bản	Sở Tư pháp;	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;	Cả năm 2025	Thường xuyên

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
						UBND cấp huyện		
			Ban hành văn bản QPPL	Nghị quyết, Quyết định	Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	Thường xuyên
2	Kiểm tra văn bản QPPL	Kiểm tra để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.	Tự kiểm tra Quyết định của UBND	Phiếu kiểm tra, Báo cáo nội dung trái pháp luật (nếu có).	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	Thường xuyên
			Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL	Kế hoạch	Sở Tư pháp;	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Trước ngày 15/01/2025	
			Kiểm tra văn bản văn bản QPPL	Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra	Sở Tư pháp,	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Cả năm 2025	Thường xuyên
3	Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương	Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL	Kế hoạch	Sở Tư pháp,	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Trước ngày 15/01/2025	
			Báo cáo kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong năm rà soát	Báo cáo	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Trước ngày 18/11/2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			Công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Quyết định	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Trước ngày 31/01/2026	
4	Công tác pháp chế	Tăng cường công tác pháp chế	Xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác pháp chế	Kế hoạch	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Tháng 01/2025	
5	Thực hiện hiệu quả công tác PBGDPL	Xây dựng triển khai thực hiện công tác PBGDPL	Xây dựng Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện công tác PBGDPL	Kế hoạch, Báo cáo, Đề xuất	Sở Tư pháp; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện		-Kế hoạch: Trước ngày 29/01/2025 đối với Kế hoạch của UBND tỉnh; Trước ngày 10/02/2025 , đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện. Báo cáo: Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
							tình báo cáo 6 tháng (trước ngày 07/6), báo cáo năm (trước ngày 07/11)	
6	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả PBGDPL	Triển khai thực hiện công tác PBGDPL	Báo cáo triển khai thực hiện công tác PBGDPL; thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Nhà nước cấp trên và Nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2025	Báo cáo	Sở Tư pháp; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện		- Đối với báo cáo PBGDPL: Căn cứ vào KHPBGDPL của UBND tỉnh năm 2025. - Đối với báo cáo HP: Căn cứ vào văn bản của Sở Tư pháp để thực hiện.	
7	Ứng dụng CNTT trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao chất lượng nhân lực trong công tác PBGDPL	Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông	Các cổng, Trang phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục được duy trì, vận hành	Sở Tư pháp; Các sở, ngành; UBND cấp huyện		Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		Nâng cao chất lượng nhân lực trong công tác PB GDPL	Tập huấn, đào tạo	Kế hoạch, Tài liệu, Báo cáo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Theo KH năm	Theo dự toán ngân sách hàng năm
8	Kiểm tra, điều tra, khảo sát đánh giá tình hình thi hành pháp luật	Đánh giá tình hình thi hành pháp luật	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	Quyết định, Biên bản, Kết luận	- Sở Tư pháp nhiệm vụ trọng tâm liên ngành; - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện nhiệm vụ quản lý của ngành, đơn vị	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	
			Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Phương án điều tra, khảo sát	Sở Tư pháp nhiệm vụ trọng tâm liên ngành của UBND tỉnh; - Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện nhiệm vụ quản lý của ngành, đơn vị	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
9	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật	Tăng cường vai trò của người dân, DN, các tổ chức CT-XH, XH- nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện chính sách và giám sát THPL; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức THPL	Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (nếu có)	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đổi với xử lý kết quả TDTHPL thuộc lĩnh vực quản lý; - Sở Tư pháp đổi với Báo cáo kết quả TDTHPL của UBND tỉnh	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	- Trước ngày 10/12/2025 đổi với báo cáo của UBND tỉnh - Trước ngày 01/12/2025 đổi với báo cáo Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện.	
III CẢI CÁCH TTHC								
1	Công bố danh mục TTHC đầy đủ, chính xác, kịp thời của cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) trong vòng 05 sau khi Bộ, ngành trung ương công bố.	Kiểm soát nội dung, số lượng, chất lượng, dự thảo quyết định công bố, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của từng sở, ban, ngành tỉnh tại 03 cấp chính quyền (tỉnh, huyện, xã) theo quy định của pháp luật.	Căn cứ Quyết định công bố TTHC của Bộ, ngành TW; cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh rà soát, xây dựng tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC trình UBND tỉnh	Dự thảo Tờ trình và Quyết định công bố TTHC	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
2	Công khai kịp thời, đầy đủ TTHC trên CSDL Quốc gia	Kiểm soát chất lượng, nhập, địa phương hóa, công khai theo danh mục TTHC của ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên CSDL Quốc gia về TTHC.	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Quyết định công bố Danh mục TTHC của UBND tỉnh, nội dung TTHC công bố của Bộ, Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tích chọn TTHC, nhập bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến trình tự thực hiện, thời gian, phí và lệ phí, căn cứ pháp lý. - Kiểm tra, rà soát, đối chiếu để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu TTHC đã được nhập vào CSDL Quốc gia với TTHC tại Quyết định công bố TTHC. - Thực hiện công khai dữ liệu TTHC đã được điều chỉnh, sửa đổi. 	Kiểm soát chất lượng TTHC trên CSDL Quốc gia về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
3	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC	Thực hiện niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định	Trên cơ sở Quyết định công bố TTHC hoặc dữ liệu TTHC được kết xuất trên CSDL Quốc gia về TTHC, các đơn vị thực hiện công khai TTHC theo hình thức niêm yết trên bảng hoặc dưới hình thức điện tử phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của đơn vị thực hiện TTHC	TTHC được niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả, Cổng Thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương.	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
4	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, DVC trên môi trường điện tử	Công bố kết quả Bộ Chỉ số điều hành về đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dịch vụ công trên môi trường điện tử của Bộ phận Một cửa các cấp cho người dân, doanh nghiệp	Theo dõi, trích xuất số liệu đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, dịch vụ công trên môi trường điện tử của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện để công khai theo quy định	Công văn công bố kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Hàng tháng hoặc đột xuất	
5	Phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC thực	Rà soát, đánh giá TTHC hoặc nhóm	Căn cứ Kế hoạch rà soát, đánh giá	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá	Các cơ quan chuyên môn,	Văn phòng UBND tỉnh	-UBND cấp huyện: Trước	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	hiện trên địa bàn tỉnh	TTHC, quy định hành chính; tổng hợp kết quả rà soát và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	TTHC của tỉnh hoặc trong quá trình thực hiện TTHC, phát hiện TTHC, quy định hành chính có vướng mắc, bất cập, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc rà soát, đánh giá.	TTHC của UBND tỉnh kèm theo phương án đơn giản hóa TTHC đã được phê duyệt gửi về bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị xem xét, xử lý theo phạm vi, chức năng quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ	cơ quan thuộc UBND tỉnh; (TTHC cấp huyện, cấp xã: UBND cấp huyện rà soát gửi cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực liên quan tổng hợp)		15/8/2025 - Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh: Trước ngày 31/8/2025; - Văn phòng UBND cấp tỉnh: Trước 30/9/2025	
6	Công bố TTHC nội bộ và rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025	Thống kê và trình công bố TTHC nội bộ; rà soát, đánh giá TTHC nội bộ, tổng hợp kết quả rà soát và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Căn cứ tình hình thực tế của địa phương hoặc Danh mục TTHC nội bộ do Văn phòng Chính phủ yêu cầu, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, thống kê trình công bố TTHC nội bộ; căn cứ TTHC nội bộ được công bố, thực hiện rà soát, đánh	- Quyết định công bố TTHC nội bộ; - Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ.	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; (TTHC nội bộ cấp huyện, cấp xã: UBND cấp huyện rà soát gửi cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			giá TTHC nội bộ, trình phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ		<i>tổng hợp)</i>			
7	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC và cải cách TTHC	Báo cáo tháng công tác cải cách TTHC và báo cáo quý, năm công tác kiểm soát TTHC		Báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Định kỳ hoặc đột xuất	
8	100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình và một phần	Rà soát danh mục TTHC để điều kiện cung cấp DVC trực tuyến toàn trình và một phần để đăng ký triển khai	Đăng ký triển khai DVC trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng DVC tỉnh.	100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện, được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng DVC tỉnh	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
9	80% DVCTT của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tích hợp, cung cấp DVCTT của tỉnh trên cổng Dịch vụ công Quốc gia	Khai báo, áp, kiểm thử và tích công khai DVCTT của tỉnh trên cổng Dịch vụ công Quốc gia	80% DVCTT của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
10	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình và một phần trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân doanh nghiệp thực hiện DVCTT	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân doanh nghiệp thực hiện DVCTT	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình và một phần trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC								
1	100% cơ quan, đơn vị được quy định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương	Ban hành mới hoặc điều chỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các Ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định mới của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương	Rà soát chức năng, nhiệm vụ, thẩm định	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức CQCM cấp tỉnh, cấp huyện; Ban, chi cục, đơn vị SNCL	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện	- Sở Nội vụ	Cả năm 2025	
2	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị; Sắp xếp, kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng	Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị đảm bảo điều kiện, tiêu chí theo quy định và	Xây dựng đề án, thực hiện việc sắp xếp	Quyết định	Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện	- Sở Nội vụ	Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		sắp xếp theo chủ trương của Trung ương; Sắp xếp, kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả						
3	100% cơ quan, đơn vị được điều chỉnh vị trí việc làm	Điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh	Xây dựng Đề án, thẩm định	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện	Cả năm 2025	
4	Tinh giản biên chế theo lộ trình	Tiếp tục thực hiện TGBC theo lộ trình đã được Chương trình tổng thể CCHC nhà nước đề ra (đến năm 2025 giảm 10% so với năm 2021)	Hướng dẫn, đôn đốc	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	
5	Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền	Thực hiện các nội dung Phân cấp QLNN giữa các cấp chính quyền theo Nghị quyết của Chính phủ và Kế hoạch của UBND	Văn bản triển khai Kiểm tra nội dung phân cấp	Quyết định Báo cáo	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo Kế hoạch phê duyệt	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		tỉnh						
6	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra TCBM, biên chế, VTVL	Thanh tra, kiểm tra về công tác tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị	Tổ chức thanh tra, kiểm tra	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Kết luận thanh tra, kiểm tra	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo Kế hoạch phê duyệt	
V CẢI CÁCH CÔNG VỤ								
1	Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài	Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 98-CTr/TU ngày 07/5/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII về việc thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng	Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã đề ra	Văn bản đôn đốc thực hiện; Báo cáo kết quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	Thường xuyên

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”						
2	Tuyển dụng, thu hút công chức và viên chức	Thực hiện thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào công chức gắn với việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính và tinh giản biên chế; tuyển dụng viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm được phê duyệt	Các văn bản hướng dẫn thực hiện; Kế hoạch tuyển dụng	Quyết định tuyển dụng	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đơn vị SNCL	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Đơn vị SNCL	Cả năm 2025 (đối với tuyển dụng công chức thực hiện sau khi có chủ trương của Bộ Chính trị)	Thường xuyên
3	Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	Thực hiện thi/xét nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Các văn bản hướng dẫn, triển khai; Đề án thi nâng ngạch/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đơn vị SNCL	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Đơn vị SNCL	Cả năm 2025	Thường xuyên
		Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo lộ trình	Phê duyệt danh sách; chi trả chế độ	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cả năm 2025	Thường xuyên

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
4	Bồi dưỡng theo chức danh cán bộ, công chức, viên chức	Tổ chức các lớp ĐTBĐ CBCCVC; đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng với hình thức phù hợp	Kế hoạch đào tạo năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Theo KH được phê duyệt	Thường xuyên
5	Đánh giá xếp loại CBCCVC làm cơ sở cho công tác thi đua khen thưởng	Hướng dẫn thực hiện đánh giá, xếp loại CBCCVC	Báo cáo kết quả	Báo cáo	Sở, ban, ngành; Đơn vị SNCL; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Cả năm 2025	Thường xuyên
6	Kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của Nhà nước về công chức, công vụ (thực hiện theo Kế hoạch định kỳ, đột xuất)	Thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của nhà nước về công vụ, công chức	Tổ chức thanh tra, kiểm tra	Kế hoạch; Báo cáo kết quả; Văn bản khắc phục sau thanh tra, kiểm tra	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện và cấp xã	Theo KH được phê duyệt	Thường xuyên
7	Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng quản lý; đánh giá CBCCVC	Đôn đốc việc cập nhật cơ sở dữ liệu CBCCVC.	Rà soát tình hình cập nhật CSDL CBCCVC.	Văn bản đôn đốc	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Đơn vị SNCL; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	Thường xuyên
		Tổ chức đánh giá chất lượng CBCCVC trên phần mềm.	Báo cáo kết quả đánh giá theo phần mềm	Báo cáo	Sở, ban, ngành; Đơn vị SNCL; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Cả năm 2025	Thường xuyên

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	Tiếp tục thực hiện phương án tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị theo quy định	Thực hiện phương án tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị theo quy định	Thực hiện phương án tự chủ cho các cơ quan, đơn vị	Báo cáo của các đơn vị	Sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; Đơn vị SNCL	Sở Tài chính	Cả năm 2025	Theo Phương án
2	Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền	Danh mục dịch vụ	Tiến hành rà soát, thẩm định và xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh	Nghị quyết, Quyết định	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Tài chính	Cả năm 2025	
3	Thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12//2020 của Chính phủ	Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các DNNN theo lộ trình; Thực hiện chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP	- Tiếp tục thoái vốn nhà nước tại các DNNN - Chuyển các ĐVSNCL thành công ty cổ phần.	Văn bản trình UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	
4	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
5	Thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan kiểm toán nhà nước, thanh tra	Nghiên cứu các kiến nghị, kết luận của cơ quan kiểm toán nhà nước, thanh tra để thực hiện	Đơn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tài chính (đơn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện)	Cơ quan, đơn vị, địa phương có kết luận, kiến nghị sau kiểm toán	Cả năm 2025	
6	Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI	Giải quyết vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư	Tổ chức đối thoại doanh nghiệp	Báo cáo kết quả giải quyết vướng mắc, khó khăn sau đối thoại.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh, Ban QLKKT tỉnh; Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Quý II và Quý IV/2025	Ngân sách tỉnh (đã đề xuất bố trí từ Nguồn kinh phí sự nghiệp-thực hiện Chương trình XTĐT năm 2025)
			Từng sở, ngành tổ chức đối thoại theo ngành lĩnh vực.	Báo cáo kết quả giải quyết vướng mắc, khó khăn sau đối thoại.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện		Cả năm	
		Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện năm 2025.	Kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện năm 2025.	Kế hoạch hành động.	Sở Kế hoạch và đầu tư	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Quý I/2025	
7	Giải ngân vốn đầu tư công	Tham mưu thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công	Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện,	Văn bản đơn đốc; Hội nghị giao	Sở Kế hoạch và đầu tư	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp	Cả năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
		năm 2025	giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025	ban XDCB		huyện, thành phố, thị xã.		
VII XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ								
1	Xây dựng và hướng dẫn triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2025.	Xác định nhiệm vụ, thời gian cụ thể, phân công cơ quan, đơn vị thực hiện	Xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh; Kế hoạch của từng cơ quan, đơn vị thực hiện.	Kế hoạch Chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Quý I/2025	
2	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Rà soát các nhiệm vụ mục tiêu của Nghị quyết để triển khai nhiệm vụ	Xây dựng chương trình, kế hoạch	Chương trình; Kế hoạch; Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	
3	Tiếp tục triển khai Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Rà soát các nhiệm vụ mục tiêu của Đề án để triển khai	Xây dựng, triển khai các chương trình; dự án...	Chương trình; Kế hoạch; Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Cả năm 2025	
4	Ứng dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	Phần mềm được sử dụng có hiệu quả cao	Xử lý văn bản và tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường mạng; áp	- Xử lý VB và HSCV đúng quy trình theo tỉ lệ: cấp tỉnh 95%;	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
			dụng chữ ký số	cấp huyện 90%; cấp xã 80% - Ký số đơn vị theo tỷ lệ: cấp tỉnh 90%; cấp huyện 80%; cấp xã 80% - Ký số Lãnh đạo đơn vị trên tổng số VB đi ký số của đơn vị theo tỷ lệ: Cấp tỉnh 80%; huyện 80%; xã 70%		cấp xã		
5	Triển khai Phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên phần mềm quản lý văn bản và HSCV	Triển khai ứng dụng có hiệu quả	- Triển khai ứng dụng; - Tập huấn	- Ban hành Danh mục hồ sơ năm 2025 của đơn vị - Có dữ liệu về hồ sơ trên Phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên phần mềm QLVB và HSCV	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	
6	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm	Đảm bảo đạt tỷ lệ 80% các hồ sơ TTHC được số hoá khi tiếp nhận, giải	Thực hiện số hoá hồ sơ TTHC khi tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả	Giấy tờ, tài liệu được số hoá	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND		Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	quyết và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.		tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã			
7	Đẩy mạnh triển khai thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia	Rà soát danh mục TTHC có phí, lệ phí và cấu hình vào Hệ thống; tích hợp tài khoản thụ hưởng của đơn vị, đảm bảo 100% TTHC có phí, lệ phí được tích hợp và triển khai thanh toán trực tuyến đạt hiệu quả và chính xác	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 45% trở lên.	Các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã		Thường xuyên	
8	Duy trì hoạt động ổn định Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, chia sẻ dữ liệu, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả	Duy trì hoạt động ổn định Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, chia sẻ dữ liệu, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng DVC Quốc gia. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên nhiều phương tiện truy cập	Duy trì hoạt động ổn định; Kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kết nối, chia sẻ dữ liệu, tích hợp DVC trực tuyến lên Cổng DVC Quốc gia; cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên nhiều phương tiện truy	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
	thiết bị di động. cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.		cập khác nhau				
9	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ TW đến địa phương.	Cổng DVC tỉnh định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.	Kết nối liên thông, tích hợp SSO với Hệ thống định danh và xác thực điện tử VNeID của Bộ Công an.	Người dân, doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ TW đến địa phương bằng tài khoản định danh và xác thực điện tử VNeID của Bộ Công an	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	